

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 7-2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông : **Huỳnh Hồng**

2. Bà : **Trần Thị Thu Hà**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm – Tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa ông: **Ngô Văn Điện** – Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2017/TLST-HNGĐ ngày 4 tháng 05 năm 2017, về tranh chấp “*ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị A** - sinh năm 1970 (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Tấn B** - sinh năm: 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã D, huyện E, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2017 và đơn xin vắng mặt tham dự phiên họp phiên hòa giải và phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Lê Tấn B do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1993 đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 01/7/2003 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau ngày cưới chị và anh B cất nhà ở riêng trên phần đất của cha mẹ anh B tại ấp O xã K huyện E tỉnh G. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2000 vợ chồng chị về cất nhà cấp 4 trên thửa đất em chị cho mượn tại ấp C xã D huyện E cho đến đầu năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B thường xuyên có hành vi bạo hành, ngược đãi chị và các con của chị. Mỗi ngày anh B nhậu từ 1 đến 2 lần, mỗi lần nhậu về đánh đập chị và các con của chị rồi đuổi chị ra khỏi nhà. Vì vậy chị phải bỏ nhà trốn đi nơi khác để tránh né anh B.

Chị cảm thấy tình cảm giữa chị và anh B không thể hàn gắn nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Tấn B.

Về con chung: chị và anh B có hai con chung tên

- 1/- Lê Nguyên H, sinh ngày 01/4/1994,
- 2/-Lê Nguyễn Hoàng I, sinh ngày 14/6/2006

Hiện đang sống chung gia đình . Sau khi ly hôn chị A yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Hoàng I và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Lê Nguyên H sinh ngày 01 tháng 04 năm 1994 hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ý kiến ngày 29 tháng 5 năm 2017 và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Tấn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất theo lời trình bày của chị A về mối quan hệ hôn nhân hình thành do quen biết, thời gian sống chung, anh và chị A có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã K vào ngày 01 tháng 7 năm 2003 sống hạnh phúc được 23 năm đến tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ anh tự quyết định mọi việc trong gia đình không hỏi ý kiến của anh nên dẫn đến vợ chồng cự cãi rồi chị A bỏ nhà đi anh không biết chị A đi đâu.

Nay chị A yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ thương con.

- Về con chung: anh và chị A có hai người con chung tên:

- 1/- Lê Nguyên H, sinh ngày 01/4/1994,
- 2/- Lê Nguyễn Hoàng I, sinh ngày 14/6/2006

Nếu phải ly hôn anh đồng ý giao cháu Lê Nguyễn Hoàng I cho chị A nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Lê Nguyên H hiện nay đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Lê Tấn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Lê Tấn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: Thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Đương sự đã chấp hành đúng theo trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị A là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị A

Về nội dung vụ kiện:

- Về hôn nhân: xét yêu cầu ly hôn của chị A là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị A cho chị Nguyễn Thị A ly hôn với anh Lê Tấn B.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị A yêu cầu nuôi cháu Lê Nguyễn Hoàng I, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2006, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, anh B cũng đồng ý giao cháu I cho chị A nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Nguyễn H đã trưởng thành chị A anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh B và chị A.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A anh Lê Tấn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị A anh Lê Tấn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải nộp án phí theo luật định.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 3/5/2017; giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh (bản sao); đơn xin xác nhận; đơn xác nhận; giấy chứng minh nhân dân (bản sao); đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm ngày 01/6/2017.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến, giấy chứng minh nhân dân (bản sao).

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Lê Tấn B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 01 tháng 6 năm 2017 chị Nguyễn Thị A có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của chị Nguyễn Thị A là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Tấn B thành hôn vào năm 1993. Chị A và anh B đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K và

được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/7/2003 nên quan hệ giữa chị A và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị A thì chị và anh B đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh B, anh B không đồng ý ly hôn, anh B cho rằng anh và chị A nguyên nhân mâu thuẫn là do chị A tự ý mọi quyết định mọi việc trong gia đình không thông qua ý anh. Chị A trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường hay nhậu đánh đập chị và các con, anh B thường xuyên gây gổ trật tự công cộng tại địa phương. Tại phiên tòa anh B thừa nhận trong thời gian chung sống với chị A có nhiều lần anh nhậu về la mắng chị A và cũng nhiều lần bị công an xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mất trật tự an toàn xã hội nên xét yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ chấp nhận. Xét yêu cầu được đoàn tụ của anh B là không có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: có hai người con chung

1/- Lê Nguyên H, sinh ngày 01/4/1994,

2/- Lê Nguyễn Hoàng I, sinh ngày 14/6/2006

Chị Nguyễn Thị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu I, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B đồng ý theo yêu cầu của chị A, anh không phải cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của cháu I cũng muốn được sống với chị A nên giao cháu I cho chị A nuôi dưỡng anh B không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Lê Nguyên H, sinh ngày 01/4/1994 hiện nay đã trưởng thành, chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Tấn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Tấn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải nộp án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị A xin ly hôn với anh Lê Tấn B

Về hôn nhân: Cho Nguyễn Thị A ly hôn với anh Lê Tấn B.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hoàng I, sinh ngày 14/6/2006 cho chị Nguyễn Thị A nuôi dưỡng. Anh Lê Tấn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đối với cháu Lê Nguyên H, sinh ngày 01/4/1994 hiện nay đã trưởng thành, chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Tấn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Tấn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị A đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0007944, ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/6/2017), để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THA huyện Vũng Liêm;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh